

Bản án số: 14/2020/HSST

Ngày: 22/6/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Vĩnh Bình**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Võ Hùng Định** và ông **Nguyễn Mạnh Tiến**.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thanh** - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia  
phiên tòa:* Bà **Trịnh Quỳnh Anh** - Kiểm sát viên.

Vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2020, đối với bị cáo:

**Họ và tên:** **Bùi Văn Y**, sinh năm 1996; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu phố C, thị trấn H, huyện X, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; **Bùi Văn H** (chết); Mẹ: **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1965; Vợ: **Nguyễn Thị Mỹ Ph**, sinh năm 1999, bị cáo có 01 con sinh năm 2016; Tiền án: Ngày 15/5/2014 bị TAND huyện X phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích; Ngày 29/7/2016 bị TAND huyện X phạt 01 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích; Tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 10/02/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh P xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X từ ngày 28/02/2020.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

**\* Người bị bị hại:**

1. Ông **Trần Anh Đ**, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện A, tỉnh P. Vắng mặt

2. Bà **Cù Thị Kim H**, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện A, tỉnh P. Vắng mặt

3. Bà **Bùi Thị M**, sinh năm 1972 và ông **Bùi Kim C**, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Khu phố Ch, thị trấn C, huyện A, tỉnh P. Vắng mặt

4. Ông **Trương Văn K**, sinh năm 1974 và bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Khu phố C, thị trấn C, huyện A, tỉnh P. Vắng mặt

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Trung T**, sinh năm 1995, trú tại: Khu phố L, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh P. Vắng mặt

*\*Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn Trung Tr**, sinh năm 1995, trú tại: Khu phố L, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh P; vắng mặt

2. Ông **Huỳnh Ngọc V**, sinh năm 1999, trú tại: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh P; vắng mặt

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên vào sáng ngày 12 tháng 7 năm 2019, Nguyễn Trung T điều khiển xe mô tô của bạn *(không xác định được nhân thân)* chở Bùi Văn Y và Huỳnh Ngọc V đến thị trấn C, huyện T để trộm cắp xe mô tô. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, khi chạy đến đoạn đường trước nhà ông Trần Anh Đ, sinh năm 1982, trú tại Khu phố T, thị trấn C, huyện A, tỉnh P phát hiện xe mô tô 78H9-7676 của ông Đ dựng trước nhà. T điều khiển xe chạy tới trước một đoạn rồi dừng lại đứng cạnh giới, V và Y đi bộ đến vị trí xe 78H9-7676, V trực tiếp dùng đoạn phá khóa xe mô tô 78H9-7676 rồi điều khiển xe này chạy ra hướng thị xã S.

Sau đó, Y nói với T tiếp tục đi tìm xe để trộm cắp nên T chở Y đến đoạn đường L thuộc Khu phố T, thị trấn C, huyện A, tỉnh P, phát hiện xe mô tô 78H1-24521 do ông Cù Thanh S đứng tên chủ sở hữu đang được bà Cù Thị Kim H, sinh năm 1989, trú tại Khu phố T, thị trấn C, huyện A, tỉnh P quản lý dựng trước nhà. Quan sát thấy không có người trông coi nên T dừng xe đứng cạnh giới, Y đi bộ đến phá khóa và điều khiển xe mô tô 78H1-24521 chạy về nhà của Y tại Khu phố L, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh P. Tại nhà Y, V hỏi xe mô tô 78H1-24521 ở đâu mà có thì Y và T trả lời xe mới trộm cắp được. Đến khoảng tối cùng ngày, Y đem hai chiếc xe nêu trên bán cho một người tên H chưa xác định rõ nhân thân tại thành phố H, tỉnh P được 5.000.000 đồng rồi tiêu xài hết, không chia cho V và T.

Quá trình điều tra, còn xác định được:

Vào khoảng 15 giờ ngày 21 tháng 6 năm 2019 Nguyễn Trung T điều khiển xe mô tô *(không xác định được nguồn gốc)* chở Bùi Văn Y đến đoạn đường Quốc lộ 1 thuộc khu phố L, thị trấn T phát hiện xe mô tô 78H1-12910 của bà Bùi Thị M, sinh năm 1972, trú tại Khu phố Ch, thị trấn C, huyện A, tỉnh P đang dựng trên đường quốc lộ 1A không có người trông coi. T dừng xe, đứng cạnh giới, Y đi bộ đến phá khóa rồi điều khiển xe mô tô 78H1-12910 bỏ chạy, T điều khiển xe chạy theo sau. Sau đó, Y đem xe vào thành phố T, tỉnh P bán cho một người tên H

(không xác định rõ lai lịch) được 2.000.000đồng, chia cho T 1.000.000đồng, còn 1.000.000đồng Y tiêu xài hết.

Vào khoảng 19 giờ ngày 11 tháng 7 năm 2019 Nguyễn Trung T điều khiển xe mô tô của Bùi Văn Y không xác định được biển số chở Bùi Văn Y đến Khu phố X, thị trấn C, huyện A, tỉnh P phát hiện xe mô tô biển số 78H1-04514 của ông Trương Văn K, sinh năm 1974, trú tại Khu phố Ch, thị trấn C, huyện A, tỉnh P dựng tại khu vực vỉa hè, không có người trông coi nên T dừng xe đứng cạnh giới, Y đi bộ đến phá khóa và điều khiển xe mô tô 78H1-04514 bỏ chạy, T điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Sau đó, Y đem xe vào thành phố T, tỉnh P bán bán cho một người tên H (không xác định rõ lai lịch) được 2.000.000đồng, Y chia cho T 1.000.000 đồng, còn lại 1.000.000đồng Y tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị xe mô tô 78H9-7676 là 5.200.000 đồng

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị xe mô tô 78H1-24521 có giá trị 11.500.000 đồng

Tại Kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị xe mô tô biển số 78H1-12910 có giá trị 9.600.000 đồng

Tại Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận giá trị xe mô tô 78H1-04514 có giá trị 7.800.000 đồng

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38;điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt Bùi Văn Y từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam.Về dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận ý kiến của bị cáo, bị cáo Y có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Trung Trực số tiền 16.050.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại về thời gian, địa điểm, cách thức, công cụ dụng vào việc phạm tội ; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/6/2019 đến ngày 12/7/2019 tại địa bàn thị trấn C, huyện A, tỉnh P, Bùi Văn Y cùng đồng phạm đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô 78H9-7676 của Trần Anh Đ, xe mô tô 78H1-24521 của chị Cù Thị Kim H, xe mô tô biển số 78H1-12910 của bà Bùi Thị M, xe mô tô biển số 78H1-04514 của ông Trương Văn K với tổng giá trị 34.100.000đồng. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của những người bị hại, lén lút trộm cắp tài sản với tổng giá trị 34.100.000đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điều 173 BLHS. Bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, cáo trạng số 16/CT/VKSTA ngày 08/5/2020 của VKSND huyện T truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội nêu trên củabị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó, phải xử lý bị cáo nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả mà bị cáo gây ra.Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: phạm tội 02 lần trở lên, được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự

[4] **Về trách nhiệm dân sự:** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HSST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân Huyện T đã ghi nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền 32.100.000đ của bị cáo Nguyễn Trung T đối với những người bị hại. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Bùi Văn Y tự nguyện thống nhất bồi hoàn cho bị cáo T ½ số tiền 32.100.000đ =16.050.000đ. Xét thấy sự tự nguyện của bị cáo không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] **Về án phí:**Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Theo bị cáo Bùi Văn Y xác định: tài sản trộm cắp trong vụ án này được bán cho đối tượng tên H ( *không rõ nhân thân, lại lịch*)và khi mua tài sản đối tượng tên H biết rõ đây là tài sản trộm cắp mà có. Xét thấy, hành vi của đối tượng tên H có dấu hiệu tội phạm“*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Do đó HĐXX kiến nghị Viện kiểm sát huyện T tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Y phạm tội “*trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt:** Bị cáo Bùi Văn Y 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/02/2020.

**Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Bùi Văn Y. Bị cáo Y có nghĩa vụ bồi hoàn cho ông Nguyễn Trung T số tiền 16.050.000đ.

**Về án phí:** Áp dụng điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bị cáo Bùi Văn Y phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 802.500đ án phí DSST.

Kiến nghị Viện kiểm sát tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý đối tượng tên H (*không rõ nhân thân, lại lịch*) về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo đúng qui định của pháp luật.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Tuy An;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Công an huyện Tuy An;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vinh Bình**

